

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06/12/2021.

V/v: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Cương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lữ Văn Công

2. Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Huế Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 91/2021/HNGĐ-ST, ngày 29/4/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 11/11/2021, về việc “Xin ly hôn”, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Chị Nguyễn Thị U**, sinh năm 1988; (Có mặt)

2. *Bị đơn:* **Anh Nguyễn Văn H**, sinh năm 1983; (Vắng mặt)

Cùng trú tại: Khu vực X, phường L, thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 4 năm 2021 và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị U trình bày:

Chị U và anh H quen biết, tìm hiểu nhau được một thời gian thì được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2005, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã N (nay là thành phố N), tỉnh Hậu Giang vào ngày 01/10/2008; hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Từ khi cưới nhau về thì cuộc sống gia đình đã không hạnh phúc, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm

sống, tính cách không hợp nhau, không tôn trọng lẫn nhau, giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung, anh H chỉ lo ăn chơi, nhậu nhẹt, không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn lại được nên chị U đã ly thân với anh H từ năm 2020 đến nay. Nay nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng nên chị U yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H (giới tính: Nữ), sinh ngày 30/3/2006 và Nguyễn Thế D (giới tính: Nam), sinh ngày 27/8/2012. Hiện nay 02 con chung đang sống với chị U. Sau khi ly hôn chị U yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn Nguyễn Văn H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án; không cung cấp lời khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm; không cung cấp lời khai; không tham gia hòa giải; không tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp và công khai chứng cứ nên không thực hiện tốt nghĩa vụ quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị U được ly hôn anh Nguyễn Văn H; con chung giao cho chị U được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và cháu D, anh H chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Văn H đã được tổng đạt đầy đủ tất cả các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị U và anh H quen biết, tìm hiểu nhau một thời gian sau đó được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2005 và đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Từ khi kết hôn cuộc sống gia đình đã không hạnh phúc; vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, không tôn trọng lẫn nhau, giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung, anh H không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn lại được nên chị U đã ly thân với anh H từ năm 2020 đến nay. Nhận thấy chị U và anh H đã không sống chung trong một thời gian dài, anh chị không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị U được ly hôn anh H theo quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H (giới tính: Nữ), sinh ngày 30/3/2006 và Nguyễn Thế D (giới tính: Nam), sinh ngày 27/8/2012. Hiện nay hai con chung đang sống với chị U. Từ khi ly thân đến nay cháu H và cháu D sống chung với mẹ và hai cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ; nhằm tránh gây xáo trộn cuộc sống của cháu H và cháu D nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu H và cháu D cho chị U được tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Chị U không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên anh H chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Nguyễn Văn H, không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Nợ chung: Không có.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 51; Điều 56; Điều 81 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị U được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H (giới tính: Nữ), sinh ngày 30/3/2006 và Nguyễn Thế D (giới tính: Nam), sinh ngày 27/8/2012 cho chị U được quyền tiếp tục chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành; anh H chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Nguyễn Văn H, không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Thị U phải nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0008221 ngày 29/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N thành án phí, nguyên đơn không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, được quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi bị đơn cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND TP. N;
- CCTHA TP. N;
- UBND phường L;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Kim Cương